TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19/**2025/HS-ST
Ngày: 26-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông **Trương Văn Thắng.**
2/ Ông **Nguyễn Thanh Vân.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Kinh Luân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông **Cao Duyệt Phương** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 93/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 05/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/HSST-QĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/HSST-QĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 đối với:

- *Bị cáo:* **Trần Ngọc T,** sinh năm: 1990; tại tỉnh Vĩnh Long; Nơi thường trú: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Ngọc T1 (chết) và bà La Ngọc L (chết); Bị cáo có vợ là Nguyễn Huyền T2, sinh năm 1999 (đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 11/10/2018, bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 172/2018/HS-ST.

- Ngày 02/4/2019, bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 01 năm 03 tháng theo Quyết định số 110/QĐ-TA.

- Ngày 12/12/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 09 tháng tù về Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 259/2024/HS-ST.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam A theo Quyết định thi hành án số 25/2025/QĐ-CA ngày 15/01/2025 của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Nguyễn Chí H, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Trần Thị C, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Võ Văn L1, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

+ Huỳnh Thanh P, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

+ Võ Tuấn T3, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 28/07/2017, Nguyễn Chí H, Võ Văn L1, Trần Ngọc T đến nhà Huỳnh Thanh P thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre sử dụng rượu bia. Đến khoảng 19 giờ 30 phút, cùng ngày do hết thức ăn nên Hữu kêu T đi mua và đưa cho T chiếc xe mô tô hiệu SH Mode biển số 63B2-536.03 để đi đồng thời Hữu kêu L1 đi cùng. Khi T điều khiển xe mô tô chở L1 đến quán ốc "Sáu Lượm" ở khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre, L1 vào quán mua đồ ăn còn T ở ngoài đợi. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 63B2-536.03 để bán lấy tiền tiêu xài nên nói với L1 là chạy đi công chuyện một lúc quay lại đón. Sau khi mua thức ăn xong, L1 đứng đợi nhưng không thấy T quay lại đón nên điện thoại báo cho H để cùng đi tìm nhưng không được nên đến Công an thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre trình báo sự việc còn Trần Ngọc T sau khi lấy được tài sản thì điều khiển xe mô tô biển số 63B2-536.03 chạy đến chợ T4, Quận E, thành phố Hồ Chí Minh bán cho một người tên A S với giá 8.000.000 đồng rồi bỏ trốn. Trong quá trình bỏ trốn, T tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương bắt theo quyết định truy nã vào ngày 30 tháng 07 năm 2024 và bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử vào ngày 12/12/2024.

Vật chứng tạm giữ: không

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 709/KL-HĐĐG ngày 18/08/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh Bến Tre kết luận xe mô tô màu trắng, hiệu SH Mode biển số 63B2-536.03 mua vào ngày 09/10/2015 với giá 58.000.000 đồng. Tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 52.200.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định được xe mô tô biển số 63B2-536.03 do bà Trần Thị C, sinh năm 1973, nơi cư trú: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang đứng tên chủ sở hữu nhưng bà C cho anh Nguyễn Chí H là con ruột mượn và sau đó bị Trần Ngọc T chiếm đoạt. Hiện bà C yêu cầu H bồi thường cho bà giá trị chiếc xe nên H yêu cầu bị cáo T bồi thường giá trị chiếc xe là 52.200.000 đồng.

Cáo trạng số: 05/CT-VKSCT ngày 12/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Trần Ngọc T về "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm "Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T từ 02 năm đến 03 năm tù.

- Tổng hợp hình phạt: Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt 01 năm 09 tháng tù về Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 259/2024/HS-ST ngày 12/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Ngọc T bồi thường cho bị hại Nguyễn Chí H số tiền 52.200.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, đồng thời tại nói lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt. Bị cáo không có ý kiến. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy những người vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử và đã có lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra nên tiếp tục xét xử là phù hợp quy định tại Điều 292; 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với biên bản sự việc và các tài liệu trong hồ sơ vụ án. Do đó có cơ sở xác định: Khoảng 19 giờ 30 ngày 28/07/2017, tại quán ốc "Sáu Lượm" ở khu phố D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre, Trần Ngọc T đã có hành vi mượn xe mô tô nhãn hiệu SH Mode biển số 63B2-536.03 có giá trị là 52.200.000 đồng của anh Nguyễn Chí H rồi bỏ trốn để chiếm đoạt xe đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

[3] Hành vi của bị cáo là hành vi cố ý chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo Trần Ngọc T đã phạm "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[4] Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Trên thực tế, bị cáo đã thực hiện xong hành vi chiếm đoạt tài sản như ý định của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nên cần phải được xử lý nghiêm và kịp thời.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có con nhỏ chưa thành niên được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác. Với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng cùng với nhân thân xấu, bản tính xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung nên áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là phù hợp quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Bản án hình sự sơ thẩm số 259/2024/HS-ST ngày 12/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử bị cáo 01 năm 09 tháng tù về "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" đã có hiệu lực pháp luật và có Quyết định thi hành án phạt tù số 25/2025/QĐ-CA ngày 15/01/2025 của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên cần tổng hợp với hình phạt trong vụ án này buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung

theo quy định tại Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8] Trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Chí H yêu cầu bồi thường số tiền 52.200.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện nên ghi nhận. Buộc bị cáo Trần Ngọc T có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Nguyễn Chí H số tiền 52.200.000 đồng.

[9] Bà Nguyễn Thị C1 vắng mặt tại phiên tòa nên trong trường hợp bà C1 có phát sinh tranh chấp về việc yêu cầu bồi thường đối với Nguyễn Chí H thì bà C1 được quyền yêu cầu khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định pháp luật.

[10] Đối với người tên A S đã có hành vi mua xe của T nhưng quá trình điều tra không xác định được họ tên địa chỉ cụ thể nên đề nghị Cơ quan Công an có thẩm quyền tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo chịu trách nhiệm dân sự nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] *Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:*

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T **02 (Hai) năm tù.**

[2] *Căn cứ vào Điều 55, Điều 56 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:*

Tổng hợp hình phạt **02 (Hai) năm tù** về "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" trong vụ án này với hình phạt **01 (một) năm 09 (chín) tháng** tù về "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 259/2024/HS-ST ngày 12/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo Trần Ngọc T chấp hành hình phạt chung là **03 (Ba) năm 09 (chín) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/7/2024.

[3] *Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 589; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015:*

Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Ngọc T bồi thường cho bị hại Nguyễn Chí H số tiền 52.200.000 (Năm mươi hai triệu hai trăm nghìn) đồng.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

[4] *Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015*; *Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:*

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.610.000 (Hai triệu sáu trăm mười nghìn) đồng.

[5] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- STP tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- Công an huyện (3b);
- Bộ phận HS CA huyện (2b);
- UBND xã Phước Hậu, H.Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Hiền